

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Đức Thành;

Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Bà Đoàn Kim Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Văn Q sinh năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: thôn Vĩnh X, xã Thanh C, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12 dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C1 và bà Bùi Thị T1; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị L1 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:

- Ngày 25/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong (Bản án số 25/2014/HSST ngày 14, 15-5-2014);

- Ngày 29/3/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm về tội “Đánh bạc” (Bản án số 59/2022/HS-ST ngày 29-3-2022, bị cáo chưa chấp hành, Văn

bản số 347/VKSBD-P1 ngày 27/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29 tháng 5 năm 2023 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Phùng Văn H1 là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Phụng L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số F, đường N, phường Phú M, thành phố K, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1973; nơi cư trú: xã Đồng T3, huyện Quỳnh Ph1, tỉnh Thái Bình, có mặt.

2. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: KDC Hiệp Th, khu phố I, phường Hiệp Th, thành phố K. tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Bà Huỳnh Thanh X1, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ R, khu Z, phường Mỹ Ph2, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Lê Công V1, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm E, thôn Hạ Tr, xã Thanh C, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trương Ánh T4, sinh năm 1980, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số A, tờ bản đồ số Y, diện tích 150 m² tại phường Hoà Ph3, thành phố K, tỉnh Bình Dương của ông Đỗ Việt C2. Ngày 10/3/2020, ông C2 đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Đỗ Anh T2. Ông T2 nhờ ông Phan Văn Đ làm thủ tục cập nhật sang tên quyền sử dụng đất. Ngày 10/3/2020, ông T2 được cập nhật tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số A. (Ông Đ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa giao lại cho ông T2).

Dương Văn Q có quan hệ quen biết với ông Phan Văn Đ và bà Trương Ánh T4. Khoảng tháng 4/2020, Q không có nghề nghiệp ổn định nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài cá nhân. Q hỏi vay tiền của bà T4 nhưng bà T4 không có tiền nên giới thiệu Q đến gặp bà Lê Phụng L, bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Để có tài sản thế chấp cho bà L, Q mượn ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông T2. Ông Đ không biết mục đích của Q nên đồng ý cho Q mượn. Sau đó, Q làm giả hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2020, thể hiện nội dung Dương Anh P đặt cọc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất số A của ông T2, Q tự ký và lăn tay tên ông T2 và Dương Anh P trên hợp đồng đặt cọc.

Ngày 22/4/2020, Q đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số A đến nhà bà L ở phường Phú M, thành phố K, tỉnh Bình Dương thế chấp để vay tiền. Q giao cho bà L hợp đồng đặt cọc giả ngày 15/3/2020 và nói dối với bà L, Q tên thật là “P”, Q đã nhận chuyển nhượng thửa đất của ông T2 và đang làm thủ tục sang tên. Bà L tưởng thật nên ký với Q hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy mượn tiền và giao cho Q 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Q cam kết trong thời hạn 06 tháng, nếu không trả tiền thì Q sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho bà L.

Đến khoảng tháng 6/2020, Q nhặt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số O, tờ bản đồ số S, diện tích 269 m² tại phường Mỹ Ph2, thị xã B, tỉnh Bình Dương của bà Huỳnh Thanh X1. Q nảy sinh ý định chiếm đoạt thêm tiền của bà L nên làm giả hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2020, thể hiện nội dung Dương Văn P đặt cọc 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất số O của bà X1, Q tự ký, lặn tay tên bà X1 và Dương Văn P trên hợp đồng đặt cọc. Ngày 03/6/2020, Q đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X1 thế chấp cho bà L để vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Q nói dối với bà L, Q đã nhận chuyển nhượng thửa đất của bà X1 và đang làm thủ tục sang tên. Q đưa cho bà L xem hợp đồng đặt cọc giả ngày 05/5/2020, bà L tưởng thật nên ký với Q hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy vay tiền và giao cho Q 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của bà Lê Phụng L là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), Q sử dụng tiêu xài cho mục đích cá nhân. Q đã trả cho bà L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) dưới hình thức trả tiền lãi.

Theo các Kết luận giám định số 442 ngày 22/10/2021, số 535 ngày 15/01/2022, số 217 ngày 13/5/2022 và số 333 ngày 28/7/2023, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên Dương Văn P trên 02 (hai) giấy mượn tiền đề các ngày 22/4 và 03/6 cùng năm 2020; 02 (hai) hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề các ngày 22/4 và 03/6 cùng năm 2020 là do Q ký, viết ra.

+ Dấu vân tay tên Dương Văn P trên 01 (một) giấy mượn tiền đề ngày 03/6/2020, 01 (một) hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 22/4/2020 là dấu vân tay do Q in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên, dấu vân tay của Dương Văn P, chữ viết nội dung trên 01 (một) hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2020 là do Q ký, viết và in ra.

+ Chữ ký, chữ viết họ tên, dấu vân tay của Dương Văn P, chữ viết nội dung trên 01 (một) hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2020 là do Q ký, viết và in ra.

+ Dấu vân tay mang tên Đỗ Anh T2 và Huỳnh Thanh X1 trên 02 (hai) hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/3/2020 và ngày 05/5/2020 là dấu vân tay do Q in ra.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất A của ông T2, khi Q hỏi mượn thì ông Đ xin ý kiến của ông T2, ông T2 không biết mục đích lừa đảo của Q nên đồng ý để ông Đ cho Q mượn.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số O của bà Huỳnh Thanh X1, bà X1 khai bị mất nên ngày 10/11/2020 làm thủ tục xin cấp lại. Đến ngày 23/02/2021, bà X1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số O.

Cáo trạng số: 174/CT-VKSBD.P1, ngày 18 tháng 10 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định: truy tố Dương Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối Dương Văn Q; đánh giá toàn diện nội dung vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, thái độ khai báo của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức án từ 12 năm đến 13 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên trả cho ông Đỗ Anh T2 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 255xxx, số vào sổ cấp GCN: CH003xx, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) K, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Đỗ Việt C2, sinh năm 1982, ngày 09/6/2010; cập nhật ngày 10/3/2020, số thửa thay đổi lại là A, tờ bản đồ số Y, chuyển nhượng cho ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1973, địa chỉ: xóm G, Đông H2, xã Đồng T3, huyện Quỳnh Ph1, tỉnh Thái Bình.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Dương Văn Q bồi thường cho bị hại Lê Phụng L số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Đối với ông Lê Công V1, quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình và nhờ ông V1 bồi thường cho bị hại L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tại phiên tòa ông V1 không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, xử lý.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Q trình bày lời bào chữa:*

Người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không tranh luận; người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bối cảnh, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, từ ban đầu bị cáo không có mục đích lừa đảo bị hại, bị cáo có lập giấy vay tiền, trả lãi vay cho bị hại, thời

gian sau do không còn khả năng thanh toán nên bị cáo mới bị tố cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù gia đình khó khăn nhưng vẫn cố gắng tác động để khắc phục cho bị hại số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Bị cáo Dương Văn Q không tranh luận bổ sung.

- *Bị hại bà Lê Phụng L tranh luận:* Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử bị cáo và gia đình có bồi thường cho bị hại tổng cộng 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Do vậy, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đi làm nhằm khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Văn Đ tranh luận:* Ông Đ cho bị cáo Q mượn sổ trong thời gian 01 tháng để xử lý công việc là có điện thoại hỏi ông T2, được ông T2 đồng ý. Sau khi hết thời gian cho mượn, ông Đ điện thoại hỏi bị cáo Q thì Q tắt máy, sau khi liên lạc được Q thì Q hứa sẽ sắp xếp giải quyết trả lại sổ, ông Đ không biết Q làm giả hợp đồng đặt cọc để đi lừa tiền của bà L. Ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Anh T2 tranh luận:* Ông Đ chỉ nói cho ông Đ mượn sổ vài tuần để xử lý công việc, không biết ông Đ đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Q, không quen biết Q. Ông T2 đề nghị được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Công V1 tranh luận:* Ông là anh em họ của bị cáo Q, Q có nhờ gia đình khắc phục hậu quả giúp nên gia đình bị cáo thống nhất cử ông V1 đứng ra gửi trả trước cho bà L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền này ông không yêu cầu phải giải quyết trong vụ án này, sau khi bị cáo Q chấp hành án về gia đình của ông sẽ tự thương lượng, giải quyết với nhau.

- Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận đối đáp.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải, bị cáo sẽ vận động gia đình bồi thường cho bị hại, bị cáo thành thật xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền giải quyết việc cá nhân, Dương Văn Q đã mượn ông Phan Văn Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Anh T2, sau đó Q làm giả hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2020, thể hiện nội dung Dương Anh P đặt cọc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất số A của ông T2, Q tự ký và lấn tay tên ông T2 và Dương Anh P trên hợp đồng đặt cọc. Đến ngày 22/4/2020, Q mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Anh T2 và hợp đồng đặt cọc giả do Q làm đến gặp bị hại L để chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T2 cho bà L, nhận cọc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng của bà L, chiếm đoạt của bà L 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Tương tự, khoảng 6/2020, Q nhặt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số O, tờ bản đồ số S, diện tích 269 m² tại phường Mỹ Ph2, thị xã B, tỉnh Bình Dương của bà Huỳnh Thanh X1. Để tiếp tục muốn chiếm đoạt tiền của bà L, Q làm giả hợp đồng đặt cọc ngày 05/5/2020, thể hiện nội dung Dương Văn P đặt cọc 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất số O của bà X1, Q tự ký, lấn tay tên bà X1 và Dương Văn P trên hợp đồng đặt cọc. Ngày 03/6/2020, Q đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X1 và hợp đồng đặt cọc thể chấp cho bà L để vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), chiếm đoạt của bà X1 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Q dùng thủ đoạn gian dối, làm giả các hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Anh T2, Huỳnh Thanh X1 để nhận cọc chuyển nhượng, vay mượn của bà Lê Phụng L tổng số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn

cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với số tiền lớn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về hành vi đánh bạc trái phép, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra quyết định truy nã, gây khó khăn kéo dài cho công tác điều tra, xử lý vụ việc. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa, đại diện hợp pháp bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Dương Văn Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Lê Phụng L yêu cầu bị cáo Dương Văn Q bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 255xxx, số vào sổ cấp GCN: CH003xx, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) K, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Đỗ Việt C2, sinh năm 1982, ngày 29/6/2012, cập nhật ngày 10/3/2020, số thửa thay đổi lại là N, tờ bản đồ số Y, chuyển nhượng cho ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1973, địa chỉ: xóm G, Đông H2, xã Đồng T3, huyện Quỳnh Ph1, tỉnh Thái Bình sẽ trả lại cho ông Đỗ Anh T2.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Q 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), các Điều 584, 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Dương Văn Q về việc có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại Lê Phụng L số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

Trả cho ông Đỗ Anh T2: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 255xxx, số vào sổ cấp GCN: CH003xx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) K, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Đỗ Việt C2, sinh năm 1982, ngày 29/6/2012, cập nhật ngày 10/3/2020, số thửa thay đổi lại là N, tờ bản đồ số Y, chuyển nhượng cho ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1973, địa chỉ: xóm G, Đông H2, xã Đồng T3, huyện Quỳnh Ph1, tỉnh Thái Bình.

(Vật chứng được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Dương Văn Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (7);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (2);
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (3);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT (4) NTS, 30.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang